

Bản án số: **15/2021/HS-ST**  
Ngày 28-01-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Đinh Văn Tiến**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Văn Hiếu**.  
2. Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Thoa**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Ngô Thị Châu Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:** Ông **Võ Công Văn** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 210/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **D (Chuột)**, sinh năm 1999 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi cư trú: ấp, xã Tân Lâm, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông H, sinh năm 1960 và bà V, sinh năm 1964; Vợ, con: chưa có; Tiền án: không; Tiền sự: 01- Ngày 30/11/2017, bị Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 20 (hai mươi) tháng theo Quyết định số 62/2017/QĐ-TA.

Nhân thân: 1. Ngày 19/9/2015, bị Công an xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt hành chính số tiền 500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo Quyết định số 59/QĐ-XPVPHC; Ngày 03/02/2016, bị Công an xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt hành chính số tiền 375.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo Quyết định số 35/QĐ-XPVPHC; 2. Ngày 06/10/2016, bị Công an xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt hành chính số tiền 375.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo Quyết định số 108/QĐ-XPVPHC; 3. Ngày 27/3/2017, bị Công an xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt hành chính số tiền 500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo Quyết định số 33/QĐ-XPVPHC; 4. Ngày 29/5/2017, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường với thời hạn 03 (ba) tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo Quyết định số 41/QĐ-UBND.

Bị cáo bị bắt giữ, tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2020 đến nay.

2. **N**, sinh năm 2002 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi cư trú: ấp 4B, xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ng, sinh năm 1976 (đã chết) và bà H, sinh năm: 1981; Vợ, con: chưa có; Tiền án: Không; tiền sự: không; Bị cáo bị bắt giữ, tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2020 đến nay.

3. **T**, sinh năm 1999 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông D, sinh năm 1958 và bà L, sinh năm: 1973; Vợ, con: chưa có;

Tiền án: 01 - Ngày 02/12/2019, bị Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 10 (mười) tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 80/HSST.

Tiền sự: 1. Ngày 30/11/2017, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường với thời hạn 03 (ba) tháng (kể từ ngày 30/11/2018 đến ngày 02/3/2019) về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; 2. Ngày 18/01/2019, bị Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt hành chính về hành vi xâm phạm sức khỏe và hủy hoại tài sản của người khác với số tiền 4.000.000 đồng theo Quyết định số 20/QĐ-XPHC; 3. Ngày 06/5/2019, bị Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 13 (mười ba) tháng; 4. Ngày 03/10/2019, bị Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Nhân thân: 1. Ngày 28/12/2016, bị Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 07 (bảy) tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 98/2016/HSST; 2. Ngày 28/02/2017, bị Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 18 (mười tám) tháng tù, về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 17/2017/HSST.

Bị cáo tạm giữ, tạm giam trong một vụ án khác.

*(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)*

- *Bị hại:* Ông **Đ**, sinh năm: 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 4, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng:*

1. Anh **L**, sinh năm: 1999 (vắng mặt)

2. Anh **Đ**, sinh năm: 2002 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 06/9/2020, D điều khiển xe mô tô (không gắn biển số) của D chở N từ nhà đi đến địa bàn thuộc ấp 1A, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai tìm gặp đối tượng tên Huy (không rõ nhân thân lai lịch) để mua ma

túy sử dụng. Sau đó, D rủ N đi tìm tài sản của người dân trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài thì N đồng ý. Để thực hiện ý định, D điều khiển xe mô tô chở N đi trên các tuyến đường liên xã X để tìm tài sản trộm cắp. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, khi đi ngang qua “Lò gạch .” thuộc ấp 4, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai thì D phát hiện trong sân lò gạch có dựng 02 xe mô tô và không có người trong coi nên D dừng xe trước cổng lò gạch rồi nói N đứng ngoài cảnh giới còn D lén lút đi bộ đến vị trí xe mô tô nhãn hiệu HONDA FUTURE, màu đỏ-ghi, biển số 95F1-của ông Đ dùng đoạn sắt tự chế mang theo phá khóa điện rồi dẫn xe mô tô trên ra đường nổ máy và điều khiển xe mô tô trên cùng N điều khiển xe mô tô của D chạy theo hướng đường vào chốt “Tà Lú” của Trường bắn Quốc gia khu vực 3 để tẩu thoát về huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Do trời tối và đang mưa nên khi chạy được khoảng 03 km, D và N chạy xe đi lạc vào một vườn tràm thuộc địa bàn ấp 5, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai và do xe dính bùn đất không chạy được nên D và N để 02 xe mô tô trên trong vườn tràm. Sau đó, cả hai đi bộ ra đường “T” thuộc địa bàn ấp 5, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Đến khoảng 08 giờ ngày 07/9/2020, D điện thoại cho L nhờ L đến chở về. Sau đó, do thấy trong người đang mệt nên Lâm đã nhờ T điều khiển xe mô tô đến chở D và N về nhà của Đ tại ấp B, xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tại nhà của Đ, D nói cho L, Đ và T nghe việc D và N vừa trộm cắp được xe mô tô nhưng do xe bị dính bùn đất không chạy được nên nhờ L, Đ và T phụ giúp đi đẩy xe về. Đến khoảng 16 giờ ngày 08/9/2020 D, N, T, L và Đ điều khiển xe mô tô đến khu vực vườn tràm thuộc ấp 5, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai, nơi D và N để xe mô tô trộm cắp của ông Đ và xe mô tô của D để đẩy 02 xe mô tô trên về nhà Đ. Trước khi đẩy xe, D tháo biển số xe mô tô 95F1-080.31 đã trộm cắp được của ông Đ gắn vào xe mô tô của D, đồng thời lấy biển số xe 43K1 trên xe mô tô của D gắn vào xe mô tô đã trộm cắp được của ông Đ. Khi về đến nhà Đ, do sợ người nhà biết nên Đ không cho D và N để xe mô tô trộm cắp tại nhà của Đ nên D nhờ T đưa xe mô tô đã trộm cắp được của ông Đ về nhà T, thuộc ấp B, xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cất giấu với mục đích không để người khác phát hiện ra xe trộm cắp và có thời gian tìm nơi tiêu thụ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 85/KL-HĐĐG ngày 14/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện L, kết luận: Giá trị sử dụng còn lại xe mô tô nhãn hiệu HONDA FUTURE, màu đỏ-ghi, biển số 95F1 là 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng)

Vật chứng vụ án thu giữ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA FUTURE, màu đỏ-ghi, biển số 95F1 (đã trả lại cho ông Đ); 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter, màu đen; 01 (một) biển số xe 43K1

Trách nhiệm dân sự: Ông Đ đã nhận lại tài sản và không có yêu gì thêm về dân sự.

Tại Bản cáo trạng số 09/CT-VKSXL ngày 29 tháng 12 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố các bị cáo D và N về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo T về tội: “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 173; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo D từ 12 đến 14 tháng; căn cứ điểm i, s khoản 1,

khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 173; Điều 38 Bộ luật Hình sự bị cáo N từ 8 đến 10 tháng tù; căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 323; Điều 38 Bộ luật Hình sự bị cáo T từ 12 đến 14 tháng tù.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy vật chứng vụ án 01 (một) biển số xe 43K1- Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo D, N và T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thống nhất với bản cáo trạng, bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo D, N và T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Vào ngày 06/9/2020, tại “Lò gạch T” thuộc ấp 4, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai, D và N đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản là 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA FUTURE, màu đỏ-ghi, biển số 95F1-080.31 của ông Đ. Sau đó, đem xe mô tô trên về nhà của T, thuộc ấp B, xã Tân Lâm, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cất giấu. T biết xe mô tô trên là do D và N trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý chứa chấp để đem đi tiêu thụ. Giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng). Do đó, đủ cơ sở kết luận các bị cáo D và N đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, bị cáo T phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo D là người khởi xướng và cùng bị cáo N trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Ngoài ra, bị cáo D và T có nhân thân xấu, không lo tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm tội nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm đối với các bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự

[6] Trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Đ đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường về dân sự nên không xét.

[7] Về vật chứng vụ án: Đối với biển số xe 43 là biển số tự đập nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter, màu đen, bị đục phá số khung, số máy. Quá trình điều tra chưa xác định được nguồn gốc và chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L hiện đang tạm giữ và tách ra để tiếp tục xác minh và xử lý sau là phù hợp.

[8] Đối với hành vi của L và M không cấu thành các tội phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý là phù hợp.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

[10] Về án phí: Các bị cáo D, N và T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo D và N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”, bị cáo T phạm tội: “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: bị cáo D **01** (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/9/2020.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: bị cáo N **09** (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/9/2020.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: bị cáo T **10** (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày vào trại thi hành án.

- Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe 43K1.

- Căn cứ vào Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo D, N và T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo D, N và T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ thi hành án;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Văn Tiến**